

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀNG HÓA
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13/01/2025

V/v: Ly hôn, T/C nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Phương
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Bà Lương Thị Huyền
 2. Bà Trịnh Thị Loan
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Dân - Thư ký Tòa án Tòa án ND huyện Hoàng Hóa
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa tham gia phiên tòa:*
Ông Nguyễn Xuân Hà, Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2024/QĐXX-ST ngày 10 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm 1985. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Tr, xã Tráng V, huyện M, Thành Phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1986. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Ngh, xã Hoàng K, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/9/2024, bản tự khai ngày 23/10/2024 nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày:

Chị Trần Thị D và anh Nguyễn Ngọc Đ tự nguyện kết hôn năm 2013 tại UBND xã Tr, huyện M, Thành Phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sống với nhau bình thường thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng quan điểm hay cãi nhau, anh Đ không chịu tu trí lo liệu làm ăn. Mặc dù, chị D đã động viên nhiều lần nhưng vẫn không thay đổi. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Nguyên vọng

của chị D xin được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc Đ.

Về con: Vợ chồng anh chị có 01 con chung cháu tên là Nguyễn Ngọc Duy, sinh ngày 11/11/2013. Ly hôn, chị D có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng cháu Duy và không yêu cầu cấp dưỡng. Hiện tại chị D làm lao động tự do mức thu nhập của chị mỗi tháng là hơn 15 triệu đồng.

Về tài sản và công nợ: Chị Trần Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc Đ: Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông Nguyễn Ngọc Đ (bố đẻ anh Đ) và ông Đ cam đoan có trách nhiệm giao thông báo lại cho anh Đ.

Tại lời khai của ông Nguyễn Ngọc Đ ngày 15/11/2024 thể hiện:

Con trai tôi là anh Nguyễn Ngọc Đ và chị Trần Thị D tự nguyện kết hôn được UBND xã Tr, huyện M, Thành Phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2013. Sau khi cưới thì vợ chồng anh Đ chị D sống với nhau bình thường. Trước đây, anh chị cũng có mâu thuẫn nhưng sau đó được gia đình dàn xếp nên vợ chồng quay về đoàn tụ với nhau. Nay chị D làm đơn xin ly hôn anh Đ, tôi sẽ có trách nhiệm thông báo cho anh Đ (hiện nay anh Đ đi làm) nên chưa về, anh Đ cũng đã biết chị D làm đơn xin ly hôn. Anh Đ có trao đổi với tôi quan điểm của anh nguyện vọng mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Nay tôi sẽ nhận thay các văn bản tố tụng cho con trai tôi và cam đoan giao tận tay cho anh Đ.

Về con chung: Chị Trần Thị D và anh Nguyễn Ngọc Đ có 01 con chung cháu tên là Nguyễn Ngọc Duy, sinh ngày 11/11/2013. Anh Đ có nguyện vọng đoàn tụ nên không có ý kiến gì về con; Về cấp dưỡng: Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của cháu Nguyễn Ngọc Duy: Cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn chị Trần Thị D đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của BLTTDS. Bị đơn anh Nguyễn Ngọc Đ chưa thực thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị D được ly hôn anh Nguyễn Ngọc Đ.

Về con chung: Công nhận chị Trần Thị Dung và anh Nguyễn Ngọc Đ có 01 con chung cháu tên là Nguyễn Ngọc Duy, sinh ngày 11/11/2013. Giao cháu Nguyễn Ngọc Duy cho chị D tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 BLTTDS 2015; Điều 24, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 chị Trần Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị D khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Ngọc Đ và xin được nuôi con chung. Căn cứ vào quy định tại Điều 68 BLTTDS xác định chị Trần Thị D là nguyên đơn, anh Nguyễn Ngọc Đ là bị đơn.

1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Ngọc Đ có địa chỉ tại xã Hoàng K, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[1.3] Về quan hệ pháp luật: Chị Trần Thị D khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Ngọc Đ và đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con chung nên được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc lĩnh vực dân sự.

Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân dẫn đến tình trạng tranh chấp mâu thuẫn theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự, chính quyền địa phương xã Hoàng K xác nhận: Anh Nguyễn Ngọc Đ và chị Trần Thị D tự nguyện kết hôn được UBND xã Tr, huyện M, Thành Phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2013, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không nắm bắt được. Vợ chồng anh chị có 01 con chung cháu tên là Nguyễn Ngọc Duy, sinh ngày 11/11/2013.

Ngày 14/11/2024 bị đơn anh Nguyễn Ngọc Đ đã được thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa ngày 24/12/2024, bị đơn anh Nguyễn Ngọc Đ vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nên HĐXX hoãn phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 233, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, anh Đ vắng mặt không có lý do, chị D có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị D và anh Nguyễn Ngọc Đ kết hôn với nhau vào năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, do Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện M, Thành Phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng anh chị sống với nhau hòa thuận một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, không thể hòa giải được. Chị D có nguyện vọng xin được ly hôn anh Đ. Anh Đ, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng không đến làm việc theo giấy triệu tập thể hiện anh bỏ mặc quan hệ hôn nhân của mình và chị D không có mong muốn đoàn tụ. Do đó, HĐXX xét thấy tình cảm của anh, chị thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 51,56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị D là cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc Đ là phù hợp với tình trạng hôn nhân của anh chị.

[2.2] Về con chung: Chị Trần Thị D và anh Nguyễn Ngọc Đ có 01 con chung cháu tên là Nguyễn Ngọc Duy, sinh ngày 11/11/2013.

Xét yêu cầu nuôi con của chị Trần Thị D: Xét thấy, yêu cầu nuôi con của chị D là phù hợp vì đang còn nhỏ cần có sự quan tâm chăm sóc của mẹ hơn bố. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị D giao cháu Nguyễn Ngọc Duy cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị Trần Thị D và anh Nguyễn Ngọc Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản: Chị Trần Thị D và chị Nguyễn Ngọc Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn là chị Trần Thị D phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51,56,57,58, 81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị D được ly hôn anh Nguyễn Ngọc Đ.

Về con chung: Công nhận cháu Nguyễn Ngọc Duy, sinh ngày 11/11/2013, là con chung của anh Nguyễn Ngọc Đ và chị Trần Thị D.

Giao cháu Nguyễn Ngọc Duy cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi về pháp luật.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung. Chị D và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở. Nếu anh Đ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Đ.

Về án phí: Chị Trần Thị D phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng chị được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004023 ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoàng Hóa. Chị D đã nộp đủ số tiền án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn chị Trần Thị D, bị đơn anh Nguyễn Ngọc Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND h. Hoằng Hóa;
- Chi cục THA DS h. Hoằng Hóa;
- UBND xã Hoằng K;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Thị Phương

